

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ đối với ngành Tư pháp

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15;

Căn cứ Nghị định số 39/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ đối với ngành Tư pháp.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành khoản 4 Điều 24, khoản 3 Điều 26, khoản 3 Điều 27, khoản 3 Điều 28, khoản 6 Điều 74, khoản 2 Điều 75, khoản 4 Điều 76, khoản 6 Điều 84 của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15; khoản 2 Điều 6 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và tập thể thuộc Bộ, ngành Tư pháp; các cá nhân, tập thể được xác định cụ thể trong các phong trào thi đua; cá nhân, tập thể có đóng góp vào sự phát triển của Bộ, ngành Tư pháp.

CHƯƠNG II

ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 3. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ Tư pháp và công chức, người lao động thuộc Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Thực hiện đảm bảo tiến độ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác được giao trong năm, được đánh giá ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên;

b) Có tinh thần tự lực, tự cường, đoàn kết, tương trợ, tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào thi đua do Bộ, ngành Tư pháp, cơ quan, đơn vị phát động thiết thực, hiệu quả.

2. Việc xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một số trường hợp cụ thể thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 2 Thông tư số 15/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 4. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp” được xét tặng hằng năm cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua của các Cụm thi đua do Bộ Tư pháp tổ chức, được Cụm thi đua suy tôn và đạt các tiêu chuẩn sau đây:

a) Hoàn thành vượt các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc trong Bộ, ngành Tư pháp, có nhiều đổi mới, sáng tạo, đạt nhiều thành tích nổi bật trong công tác;

b) Nội bộ đoàn kết; tổ chức đảng, đoàn thể trong sạch, vững mạnh; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các tệ nạn xã hội khác; tích cực hưởng ứng, tham gia các phong trào thi đua do Bộ, ngành Tư pháp, Cụm thi đua, cơ quan, đơn vị phát động thiết thực, hiệu quả.

2. Danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp” được xét tặng cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Bộ, ngành Tư pháp phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

3. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp” gồm:

a) Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng uỷ Bộ Tư pháp;

b) Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố;

c) Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố.

Điều 5. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” gồm:

a) Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng uỷ Bộ Tư pháp;

b) Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố;

c) Tập thể cấp phòng và tương đương thuộc các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

Điều 6. Tiêu chuẩn, đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” được xét tặng hằng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” gồm:

a) Các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp; các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng uỷ Bộ Tư pháp;

b) Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố;

c) Tập thể cấp phòng và tương đương thuộc các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a và điểm b khoản này.

Điều 7. Tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”

1. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng hoặc truy tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Bộ, ngành Tư pháp phát động hoặc triển khai thực hiện;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành Tư pháp;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo trong các ngành, lĩnh vực và các dịch vụ công do Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Cá nhân là công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ Tư pháp, công chức, người lao động thuộc Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố có 02 lần liên tục được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có liên tục từ 02 năm trở lên được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị công nhận trên cơ sở tham mưu xem xét, đánh giá của Hội đồng sáng kiến do thủ trưởng cơ quan, đơn vị thành lập hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở;

đ) Cá nhân công tác tại Bộ, ngành Tư pháp có thành tích đóng góp cho sự phát triển của Bộ, ngành được xét tặng trước thời điểm nghỉ hưu như sau:

Đối với cá nhân là công chức, viên chức, người lao động thuộc Bộ Tư pháp, công chức, người lao động thuộc Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố: Có thời gian công tác tại Bộ Tư pháp, cơ quan Thi hành án dân sự từ 05 năm liên tục trở lên tính đến thời điểm nghỉ hưu luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Đối với cá nhân đang công tác tại Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố: Có tổng thời gian giữ chức vụ Giám đốc Sở Tư pháp từ 05 năm trở lên, Phó Giám đốc Sở Tư pháp từ 08 năm trở lên tính đến thời điểm nghỉ hưu, trong thời gian đó luôn được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng hoặc truy tặng cho doanh nhân, trí thức, nhà khoa học chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của Bộ, ngành Tư pháp.

3. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do Bộ, ngành Tư pháp phát động hoặc triển khai thực hiện;

b) Lập được thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành Tư pháp;

c) Có đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công tác xã hội, từ thiện nhân đạo trong các ngành, lĩnh vực và các dịch vụ công do Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

d) Các đơn vị thuộc Bộ, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ Tư pháp, Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố và các tập thể cấp phòng của các đơn vị này có 02 năm liên tục được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua tại cơ quan, đơn vị; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực;

đ) Đối với Cụm thi đua do Bộ Tư pháp tổ chức, khi tổng kết phong trào thi đua hằng năm, tổ chức đánh giá, bình xét, đề nghị Bộ Tư pháp tặng Bằng khen cho tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua của Cụm thi đua.

4. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” được xét tặng cho tập thể thuộc các Bộ, ban, ngành, tỉnh, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế khác chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, có thành tích đóng góp trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp hoặc đạt một trong các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều này hoặc có thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của Bộ, ngành Tư pháp.

5. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” đề tặng cho cá nhân là người Việt Nam đang làm việc cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài có nhiều thành tích, đóng góp trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của Bộ, ngành Tư pháp.

Điều 8. Tiêu chuẩn xét tặng Giấy khen

1. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Tư pháp được xét tặng cho cá nhân thuộc quyền quản lý chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét các trong phong trào thi đua do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát động hoặc triển khai thực hiện;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; có phẩm chất đạo đức tốt, giữ gìn đoàn kết nội bộ; chấp hành tốt Nội quy, Quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị; tích cực tham gia các phong trào thi đua do cơ quan, đơn vị phát động hoặc triển khai thực hiện.

2. Giấy khen của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Tư pháp được xét tặng cho tập thể thuộc quyền quản lý chấp hành tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát động hoặc triển khai thực hiện;

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng trong lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan, đơn vị;

c) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách và chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho các cá nhân trong tập thể.

3. Giấy khen của người đứng đầu cơ sở giáo dục thuộc Bộ Tư pháp để tặng cho cá nhân, tập thể người đang học tập tại cơ sở giáo dục thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

CHƯƠNG III

VIỆC CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; HỒ SƠ, THỦ TỤC XÉT TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC HỦY BỎ QUYẾT ĐỊNH TẶNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG THUỘC THẨM QUYỀN CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP VÀ THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC BỘ TƯ PHÁP

Điều 9. Công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp

Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Tư pháp thực hiện theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Tư pháp.

Điều 10. Trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng uỷ Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng đối

với các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý; phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ rà soát, cho ý kiến đề trình Bộ trưởng xét tặng Bằng khen cho các đối tượng thuộc lĩnh vực được giao tham mưu, quản lý theo quy định.

2. Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự chịu trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân thuộc hệ thống Thi hành án dân sự; phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ rà soát, cho ý kiến đề trình Bộ trưởng xét tặng Bằng khen cho các đối tượng thuộc lĩnh vực được giao tham mưu, quản lý theo quy định.

3. Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị tặng “Cờ thi đua ngành Tư pháp”, “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” đối với các tập thể, cá nhân thuộc phạm vi quản lý.

4. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ chịu trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân là người Việt Nam đang làm việc cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự nước ngoài, tổ chức quốc tế tại Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài; phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ và các đơn vị liên quan rà soát, cho ý kiến khen thưởng đối với các trường hợp có yếu tố nước ngoài.

5. Đối với cá nhân đã nghỉ hưu hoặc hy sinh, tử trận, hồ sơ đề nghị khen thưởng do Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với cơ quan, đơn vị quản lý trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

6. Vụ Tổ chức cán bộ chịu trách nhiệm:

a) Lập hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với Lãnh đạo Bộ Tư pháp;

b) Lấy ý kiến các đơn vị liên quan trước khi trình Bộ trưởng xem xét khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp đã quá thời hạn trả lời trên văn bản lấy ý kiến của Vụ Tổ chức cán bộ mà các cơ quan chức năng chưa cho ý kiến hoặc cơ quan được xin ý kiến không thống nhất khen thưởng hoặc có ý kiến khác thì Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến của cơ quan liên quan, Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, khen thưởng theo quy định.

Điều 11. Quy định chung về hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

1. Quy định chung về hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng phải đảm bảo đúng thời hạn, thành phần hồ sơ, nội dung theo quy định;

b) Tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng phải chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân trước khi trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

2. Số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng

Số lượng hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bao gồm 01 bộ (bản chính - là bản giấy có ký tên, đóng dấu trực tiếp (nếu có) và bản điện tử ký số của hồ sơ khen thưởng (trừ hồ sơ khen thưởng có nội dung bí mật nhà nước).

3. Thành phần hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;

b) Biên bản bình xét thi đua hoặc biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng:

Biên bản bình xét thi đua của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp trong trường hợp đề nghị các danh hiệu thi đua “Tập thể lao động xuất sắc”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”;

Biên bản bình xét thi đua và kết quả bỏ phiếu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp trong trường hợp đề nghị các danh hiệu thi đua “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp”, “Cờ thi đua ngành Tư pháp”;

Biên bản bình xét thi đua của Cụm thi đua trong trường hợp đề nghị xét tặng “Cờ thi đua ngành Tư pháp”;

Biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp trong trường hợp đề nghị tặng Bằng khen, Giấy khen.

c) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng;

d) Quyết định hoặc xác nhận của Bộ trưởng về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả và có khả năng nhân rộng trong phạm vi Bộ Tư pháp hoặc có đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng trong Bộ Tư pháp đối với trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp”.

Quyết định hoặc xác nhận của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền về sáng kiến đã được áp dụng hiệu quả, có khả năng nhân rộng hoặc đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng hoặc quyết định công nhận hoàn thành

xuất sắc nhiệm vụ trong trường hợp đề nghị danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp” về thành tích công trạng.

4. Khi họp xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp”, “Cờ thi đua ngành Tư pháp” phải tiến hành bỏ phiếu.

Đối với cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, tập thể đề nghị xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua ngành Tư pháp” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp đạt từ 80% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng (nếu thành viên vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

Đối với cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua ngành Tư pháp” phải có tỷ lệ phiếu đồng ý của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp đạt từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên Hội đồng (nếu thành viên vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

Điều 12. Quy định thời gian nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng, thẩm định và thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

1. Thời gian nộp hồ sơ đề nghị khen thưởng

a) Đối với khen thưởng công trạng: Căn cứ kế hoạch tổng kết công tác của Bộ, ngành Tư pháp hoặc chỉ đạo của Bộ trưởng, cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp ban hành văn bản quy định thời gian nộp hồ sơ khen thưởng hằng năm;

b) Đối với khen thưởng sơ kết, tổng kết phong trào thi đua, thi đua theo chuyên đề do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tư pháp phát động: Thực hiện theo hướng dẫn riêng của từng phong trào thi đua;

c) Đối với khen thưởng thành tích xuất sắc hoặc thành tích xuất sắc đột xuất: Thủ trưởng cơ quan, đơn vị lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp ngay sau khi cá nhân, tập thể lập được thành tích xuất sắc hoặc thành tích xuất sắc đột xuất;

d) Đối với các hồ sơ đề nghị khen thưởng có phục vụ trao thưởng tại Hội nghị, Lễ Kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày tổ chức Đại hội...: Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp tối thiểu trước 25 ngày làm việc tính đến ngày dự kiến tổ chức Hội nghị, Lễ Kỷ niệm ngày thành lập, ngày truyền thống, ngày tổ chức Đại hội... của cơ quan, đơn vị;

đ) Đối với khen thưởng cho cá nhân trước thời điểm nghỉ hưu: Thủ trưởng đơn vị lập hồ sơ và gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua -

Khen thưởng ngành Tư pháp trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi cá nhân có quyết định nghỉ hưu để hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

2. Thời gian thẩm định, thông báo kết quả thẩm định, kết quả khen thưởng

a) Đối với các trường hợp đủ điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định, Vụ Tổ chức cán bộ thực hiện quy trình đề nghị Bộ trưởng xem xét, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng trong thời gian 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định (trừ khen thưởng đột xuất);

b) Đối với các trường hợp không đủ điều kiện, tiêu chuẩn, trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ thông báo cho đơn vị trình khen.

Điều 13. Hồ sơ đề nghị xét tặng “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Tư pháp”

1. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng công trạng hằng năm

a) Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể; căn cứ kết quả xét, công nhận hiệu quả áp dụng, khả năng nhân rộng của sáng kiến hoặc kết quả xét, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng của đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị tiến hành bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đối với cá nhân, tập thể thuộc thẩm quyền quản lý; báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách trước khi lập hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp.

b) Căn cứ quy định về tiêu chuẩn, điều kiện xét khen thưởng, Vụ Tổ chức cán bộ xây dựng Báo cáo tổng hợp, thẩm định khen thưởng; đề xuất hình thức xét khen thưởng (tổ chức họp hoặc xin ý kiến) của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp hoặc Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp để xét khen thưởng theo quy định.

c) Trên cơ sở kết quả xét khen thưởng của Hội đồng hoặc Thường trực Hội đồng, Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định.

2. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng thi đua theo chuyên đề

a) Căn cứ kết quả, thành tích đạt được của cá nhân, tập thể hoặc văn bản hướng dẫn sơ kết, tổng kết phong trào thi đua theo chuyên đề do cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp tham mưu ban hành, các đơn vị phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ trình xin chủ trương của Lãnh đạo Bộ phụ trách đơn vị; lập hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp.

b) Vụ Tổ chức cán bộ - Cơ quan Thường trực Hội đồng tổng hợp, thẩm định hồ sơ; báo cáo, đề xuất hình thức xét khen thưởng (tổ chức họp hoặc xin ý kiến) Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp hoặc Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

3. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng thành tích đột xuất, khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích, đóng góp trong quá trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Bộ Tư pháp

a) Căn cứ thành tích đạt được của các cá nhân, tập thể về kết quả phối hợp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Bộ, ngành Tư pháp, Vụ Tổ chức cán bộ - Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp gửi văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp đề xuất khen thưởng thành tích đột xuất, khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể thuộc các bộ, ban, ngành trung ương, địa phương hoặc Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy Bộ Tư pháp, Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự chủ động đề xuất khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, trực tiếp phối hợp thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý của đơn vị; xin ý kiến Vụ Tổ chức cán bộ và báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách đơn vị, Lãnh đạo Bộ phụ trách công tác thi đua khen thưởng, trình Bộ trưởng xem xét, cho ý kiến về chủ trương, danh sách đề nghị khen thưởng (dự kiến) trước khi lập hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp;

b) Trên cơ sở đề xuất của các đơn vị, căn cứ ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng, Vụ Tổ chức cán bộ phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện quy trình, thủ tục đề nghị khen thưởng theo quy định.

4. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng đối với cá nhân trước khi nghỉ hưu

a) Đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động căn cứ quá trình công tác, thời gian giữ chức vụ của cá nhân, đối chiếu điều kiện, tiêu chuẩn, xin ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với Lãnh đạo Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố), lập hồ sơ đề nghị khen thưởng theo quy định và gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp để thực hiện quy trình khen thưởng;

b) Vụ Tổ chức cán bộ - Cơ quan Thường trực Hội đồng tổng hợp, thẩm định hồ sơ; báo cáo, đề xuất hình thức xét khen thưởng (tổ chức họp hoặc xin ý kiến) của Thường trực Hội đồng, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

5. Hồ sơ, thủ tục khen thưởng đối với các trường hợp khác

a) Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có chức năng tham mưu giúp Bộ trưởng về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp có trách

nhiệm tổng hợp, cho ý kiến đối với hồ sơ đề nghị khen thưởng về thành tích liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của đơn vị, xin ý kiến Vụ Tổ chức cán bộ và báo cáo Lãnh đạo Bộ phụ trách đơn vị, Lãnh đạo Bộ phụ trách công tác thi đua, khen thưởng, trình Bộ trưởng xem xét, cho ý kiến về chủ trương, danh sách đề nghị khen thưởng (dự kiến) và gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp.

Tờ trình đề nghị khen thưởng phải đảm bảo các thông tin sau: Ý kiến của đơn vị về các thành tích thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ tham mưu của đơn vị; nội dung thành tích đề nghị khen thưởng; văn bản xin ý kiến Lãnh đạo Bộ và các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp (nếu có).

b) Vụ Tổ chức cán bộ - Cơ quan Thường trực Hội đồng thực hiện lấy ý kiến các bộ, ngành, cơ quan liên quan (nếu có) và đề xuất hình thức xét khen thưởng (tổ chức họp hoặc xin ý kiến) của Thường trực Hội đồng hoặc Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp, tổng hợp, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định.

Điều 14. Hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Tư pháp

1. Căn cứ quy định về điều kiện, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, người đứng đầu tập thể cấu thành các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ lập hồ sơ đề nghị khen thưởng và gửi về bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị.

2. Bộ phận tham mưu công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm tổng hợp, thẩm định hồ sơ, báo cáo Hội đồng Thi đua, Khen thưởng của đơn vị, trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định.

3. Số lượng và thành phần hồ sơ

a) Số lượng: 01 bộ (bản chính - là bản giấy có ký tên, đóng dấu trực tiếp (nếu có) và bản điện tử ký số của hồ sơ khen thưởng.

b) Thành phần:

- Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng;
- Biên bản bình xét thi đua hoặc biên bản xét khen thưởng của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở;
- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng.

Điều 15. Hồ sơ, thủ tục cấp đổi hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

1. Các cá nhân, tập thể có nguyện vọng cấp đổi hiện vật khen thưởng lập hồ sơ gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp. Hồ sơ có 01 bộ (bản chính), gồm:

a) Công văn đề nghị cấp đổi của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp đổi của cá nhân khi có hiện vật khen thưởng bị hư hỏng, không còn giá trị sử dụng và hư hỏng vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn hoặc do in sai bằng;

b) Hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi.

2. Vụ Tổ chức cán bộ đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xem xét, quyết định cấp đổi hiện vật khen thưởng cho cá nhân, tập thể trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi của tập thể, cá nhân.

Hiện vật cấp đổi do Vụ Tổ chức cán bộ chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định. Mẫu bằng cấp đổi in theo thiết kế tại thời điểm cá nhân, tập thể được khen thưởng, trong đó phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó; phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm” và ghi “chứng nhận cấp đổi bằng số, ngày, tháng năm” của Bộ Tư pháp.

3. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm thanh lý hoặc xử lý, tiêu hủy hiện vật khen thưởng thu lại do cấp đổi theo quy định.

Điều 16. Hồ sơ, thủ tục cấp lại hiện vật khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

1. Các cá nhân, tập thể có nguyện vọng cấp lại hiện vật khen thưởng lập hồ sơ gửi về cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp. Hồ sơ có 01 bộ (bản chính) gồm Công văn đề nghị cấp lại của tập thể hoặc đơn đề nghị cấp lại của cá nhân khi có hiện vật khen thưởng bị thất lạc, bị mất vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn.

2. Vụ Tổ chức cán bộ đối chiếu với hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp, báo cáo Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp xem xét, quyết định cấp lại hiện vật khen thưởng cho cá nhân, tập thể trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi của tập thể, cá nhân.

Hiện vật cấp lại do Vụ Tổ chức cán bộ chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định. Mẫu bằng cấp đổi, cấp lại in theo thiết kế tại thời điểm cá nhân, tập thể được khen thưởng, trong đó phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó; phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm” và ghi “chứng nhận cấp đổi bằng số, ngày, tháng năm” của Bộ Tư pháp.

Điều 17. Hồ sơ, thủ tục hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ Tư pháp

1. Cá nhân, tập thể có hành vi thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng bị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 93 của Luật Thi đua, khen thưởng, đơn vị đã trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có 01 bộ (bản chính) gồm:

a) Tờ trình đề nghị thu hồi đối với từng danh hiệu thi đua, loại hình khen thưởng của cá nhân, tập thể;

b) Báo cáo tóm tắt của đơn vị trực tiếp trình khen thưởng về lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (kèm theo Quyết định khen thưởng).

4. Vụ Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Bộ trưởng xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

Bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị có tư cách pháp nhân thuộc Bộ có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ, trình Thủ trưởng đơn vị xem xét, hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị.

5. Thời hạn tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, hủy bỏ quyết định khen thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 18. Thu hồi hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đối với danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Tư pháp

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định hủy bỏ quyết định khen thưởng Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ; cá nhân, tập thể có trách nhiệm nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng và tiền thưởng đã nhận cho đơn vị đã trình khen và chi tiền thưởng cho cá nhân, tập thể.

2. Vụ Tổ chức cán bộ, bộ phận tham mưu thực hiện công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thuộc Bộ có trách nhiệm đôn đốc cá nhân, tập thể nộp lại hiện vật khen thưởng đúng thời hạn và tổ chức thu hồi theo quy định; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG NGÀNH TƯ PHÁP VÀ HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CẤP CƠ SỞ

Điều 19. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp do Bộ trưởng Bộ Tư pháp thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Thứ trưởng phụ trách công tác thi đua, khen thưởng là Phó Chủ tịch thứ nhất; Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ là Phó Chủ tịch thường trực; 02 Phó Chủ tịch Hội đồng là Chánh Văn phòng Bộ Tư pháp, Cục trưởng Cục Quản lý Thi hành án dân sự; các Thành viên Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

c) Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp gồm Chủ tịch Hội đồng và các Phó Chủ tịch Hội đồng.

3. Vụ Tổ chức cán bộ là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp.

4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng ngành Tư pháp thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động do Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành.

Điều 20. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở gồm Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các đơn vị thuộc Bộ do thủ trưởng cơ quan, đơn vị thành lập, có trách nhiệm tham mưu, tư vấn cho thủ trưởng cơ quan, đơn vị về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

b) Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng là người đứng đầu tổ chức giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; các thành viên Hội đồng do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quyết định.

3. Cơ quan Thường trực Hội đồng là tổ chức giúp thủ trưởng cơ quan, đơn vị thực hiện công tác thi đua, khen thưởng.

4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động do thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành.

5. Thủ trưởng cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ Tư pháp căn cứ thực tế số lượng biên chế, cơ cấu tổ chức của đơn vị quyết định việc thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở. Đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ Tư pháp không thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ sở, Thủ trưởng đơn vị xem xét, quyết định cách thức bình xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đúng quy định.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2026 và thay thế Thông tư số 11/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Tư pháp.

2. Thông tư này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027, trừ trường hợp Bộ Nội vụ báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định số 152/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng thì các quy định tương ứng của Thông tư này sẽ tiếp tục có hiệu lực theo thời gian kéo dài của Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Các hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đã gửi về Bộ Tư pháp (theo dấu văn bản đến) trước ngày Thông tư có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2023/TT-BTP.

Điều 23. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp, các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy Bộ Tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố, các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ, các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng uỷ Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Thông tư này.

3. Cục Quản lý Thi hành án dân sự phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố triển khai thực hiện Thông tư này.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp (qua Vụ Tổ chức cán bộ) để tổng hợp, xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Tổng Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Bộ Nội vụ;
- Bộ trưởng, các Thứ trưởng Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị, tổ chức thuộc, trực thuộc Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp, Thi hành án dân sự các tỉnh, thành phố;
- Công thông tin điện tử Chính phủ; Công báo; cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Công thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, TCCB (TĐKT).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Tịnh